

Số: 105/BC-UBND

Lai Hưng, ngày 12 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Tổng kết năm 2023 về Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Lai Hưng

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22 tháng 3 năm 2021 về Quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

Thực hiện Công văn số 47/TTr-TH ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Thanh tra huyện Bàu Bàng về việc báo cáo tổng kết năm 2023 về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

UBND xã Lai Hưng báo cáo tổng kết năm 2023 về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (gọi tắt là trong kỳ) như sau:

I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Xác định công tác thực hiện Luật Khiếu nại, Luật tố cáo, Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, Nghị định 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Tố cáo là nhiệm vụ trọng tâm Lãnh đạo Đảng ủy xã trực tiếp chỉ đạo điều hành chính quyền trong công tác thực hiện.

Ngày 10/01/2023 Đảng ủy xã Lai Hưng ban hành Kế hoạch số 76-KH/ĐU về triển khai thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại tố cáo và đã triển khai thực hiện.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 06 tháng 3 năm 2002 của Ban Bí thư Trung ương về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay; Chỉ thị số 35/CT-TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Chỉ thị số 36/2004/CT-TTg chấn chỉnh và tăng cường trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Trong kỳ, lãnh đạo cấp ủy Đảng chỉ đạo điều hành chính quyền tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn xã Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 06 tháng 3 năm 2002 của Ban Bí thư Trung ương về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay, Chỉ thị số 35/CT-TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp dân và



giải quyết khiếu nại, tố cáo; Chỉ thị số 36/2004/CT-TTg chấn chỉnh và tăng cường trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại, Nghị quyết số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật tố cáo... được 12 cuộc, có 279 người dự.

Trong kỳ, Ủy ban nhân dân xã Lai Hưng nhận được 01 đơn tố cáo, 02 đơn khiếu nại của công dân.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Công tác tiếp công dân (Biểu số 01/TCD, 02/TCD)

a) Kết quả tiếp công dân

Thực hiện Luật tiếp công dân, Nghị định 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân và để nhằm thực hiện tốt công tác tiếp công dân tại địa phương, UBND xã đã ban hành quy chế tiếp công dân trên địa bàn xã và được niêm yết công khai đúng quy định.

UBND xã đã bố trí 01 phòng tiếp công dân, có nội quy tiếp công dân và lịch tiếp công dân (lịch tiếp công dân của Đại biểu HĐND huyện, lịch tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy Đảng, lãnh đạo ủy ban nhân dân, cán bộ tiếp công dân thường xuyên và lịch tiếp công dân của Đại biểu HĐND xã) được niêm yết công khai tại phòng tiếp dân.

Người đứng đầu cấp ủy Đảng trực tiếp dân vào ngày thứ 2 của tuần thứ nhất và tuần thứ ba trong tháng, đồng chí Chủ tịch UBND, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể xã trực tiếp dân vào ngày thứ năm hàng tuần, các ngày còn lại trong tuần phân công cán bộ tiếp dân trực tiếp dân thường xuyên theo quy định của Luật.

Công chức được giao phụ trách công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị là Công chức Tư pháp - hộ tịch xã.

Việc tiếp công dân được thực hiện đúng theo quy định của Nghị định số 64/2014/NĐ-CP và Thông tư số 06/2014/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ.

Trong kỳ, đơn vị tổ chức tiếp công dân được **250** cuộc, có **05** công dân liên hệ được tiếp. Trong đó:

- Tiếp dân định kỳ của lãnh đạo (01 ngày/tuần): **51** cuộc, không có công dân được tiếp.

- Tiếp dân thường xuyên (04 ngày/tuần): **199** cuộc, có **05** công dân được tiếp.

b) Phân loại đơn, vụ việc qua tiếp công dân

- Phân loại theo nội dung:

- + Khiếu nại: **02** đơn.
- + Tố cáo: **01** đơn.
- + Phản ánh: **02** đơn.
- + Kiến nghị: **09** đơn.
- + Tranh chấp đất đai, khác : **06** đơn.

Qua công tác tiếp công dân UBND xã nhận đơn 01 đơn khiếu nại, 04 đơn kiến nghị, 03 đơn tranh chấp đất đai của công dân.

- Phân loại theo thẩm quyền giải quyết:

- + Thuộc thẩm quyền: **20** đơn.
- + Không thuộc thẩm quyền: 0 đơn.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn (Biểu số 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD)

Gồm đơn nhận được qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác (người viết đơn gửi qua dịch vụ bưu chính, cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến theo quy định,...)

a) Tổng số đơn: **20** đơn (tăng 13 đơn so với năm 2022).

- Đơn nhận từ cấp trên: **06** đơn (01 đơn khiếu nại, 01 đơn kiến nghị, 04 đơn phản ánh).

- Đơn xã nhận qua công tác tiếp công dân: **08** đơn (01 đơn khiếu nại, 04 đơn kiến nghị, 03 đơn tranh chấp đất đai).

- Đơn xã nhận qua đường bưu điện: **06** đơn (01 đơn phản ánh, 01 đơn tố cáo, 01 đơn kiến nghị, 02 đơn tranh chấp đất đai, 01 đơn khác).

Trong đó:

- Kỳ trước chuyển sang (*trước ngày 15/10/2022*): **0** đơn.

- Tiếp nhận trong kỳ (*từ ngày 15/10/2022 đến ngày 05/10/2023*): **20** đơn (tăng 13 đơn so với năm 2022).

- Số đơn đã xử lý: **20** đơn.

- Số đơn, số vụ việc, đủ điều kiện xử lý: **20** đơn.

b) Phân loại, xử lý đơn

- Phân loại theo nội dung:

+ Số đơn, số vụ việc khiếu nại: **02** đơn.

+ Số đơn, số vụ việc tố cáo: **01** đơn.

+ Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh: **11** đơn.

+ Số đơn, số vụ việc khác: **06** đơn (tranh chấp đất đai).

- Phân loại theo tình trạng giải quyết

- + Số đơn, số vụ việc đã giải quyết: **20** đơn.
- + Số đơn, số vụ việc đang giải quyết: **0** đơn.
- + Số đơn, số vụ việc chưa giải quyết: **0** đơn.

c) Kết quả xử lý đơn

- Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền: **20** đơn.
- Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: **0** đơn.

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ)

a) Kết quả giải quyết khiếu nại (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ)

- Tổng số đơn khiếu nại: **02** đơn; đã giải quyết: **02** (đạt tỷ lệ: 100%).
- Tổng hợp quyết định giải quyết khiếu nại đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm, chuyển cơ quan điều tra: Không
- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc khiếu nại lần đầu, lần 2, việc chấp hành thời hạn giải quyết khiếu nại: Không
- Kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại: Số quyết định phải thực hiện, số quyết định đã thực hiện xong; qua thực hiện đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm, đã khởi tố: Không

b) Kết quả giải quyết tố cáo (03/KQGQ, 04/KQGQ)

- Tổng số đơn, số vụ việc đã nhận: **01** đơn.
- Tổng hợp kết luận nội dung tố cáo đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm: Không.
- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc tố cáo lần đầu, tố cáo tiếp, việc chấp hành thời hạn giải quyết tố cáo: Không.
- Kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo: Số kết luận phải thực hiện, số kết luận đã thực hiện xong; số tiền, đất đã thu hồi cho nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm: Không.

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh

Trong kỳ, UBND xã Lai Hưng tiếp nhận **11** đơn kiến nghị, phản ánh (Kiến nghị 09 đơn, phản ánh 02 đơn).

Kết quả:

- Rút đơn: **07** đơn (02 đơn kiến nghị, 01 đơn phản ánh, 04 đơn tranh chấp đất đai).
- Ban hành văn bản xử lý: **11** đơn (07 đơn kiến nghị, 01 đơn phản ánh, 01 đơn tranh chấp đất đai, 01 đơn tố cáo, 01 đơn khiếu nại).

- Ban hành Quyết định giải quyết: **01** đơn khiếu nại.
- Hòa giải thành: **01** đơn tranh chấp đất đai.

Nhìn chung, tổng số vụ việc đơn vị tiếp nhận năm 2023 tăng so với năm 2022 (năm 2022: 07 đơn, năm 2023: 20 đơn). Nguyên nhân phát sinh: Do người dân nhận thức được tầm quan trọng của đất đai, cùng với việc sử dụng đất nhưng không quản lý về ranh giới đất nên khi chủ sử dụng đất không thỏa thuận được với chủ sử dụng đất liền kề sẽ dẫn đến tranh chấp đất tại địa phương; do nhu cầu của người dân về việc cập nhật đường đi vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhu cầu có lối đi vào đất...là nguyên nhân phát sinh đơn phản ánh, kiến nghị về lối đi.

4. Bảo vệ người tố cáo

Tổng số người được bảo vệ (người tố cáo, thân nhân của người tố cáo); trong đó: Số người được áp dụng biện pháp bảo vệ vị trí công tác, việc làm; số người được áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm: Không

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

Được sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng ủy, UBND xã và sự nỗ lực của cán bộ trong công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị, sự nỗ lực của các thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai của xã nên công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp đất đai của nhân dân kịp thời, hạn chế được số nguồn đơn gửi về UBND xã và chuyển cấp trên, góp phần rất lớn trong việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Thực hiện tốt các quy định, chỉ đạo của cấp trên về công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo; công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo được phổ biến thường xuyên, liên tục trong các cuộc giao ban, sinh hoạt chi, tổ, hội và truyền truyền trên đài truyền thanh xã.

Phân công kịp thời cán bộ công chức tham gia các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức.

Việc bố trí máy truy cập thông tin tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giúp tạo điều kiện thuận lợi khi công dân có nhu cầu truy cập thông tin pháp luật.

Việc phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo giúp địa phương kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết đơn.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những mặt công tác đạt được, công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn do thành viên của Hội đồng hòa giải xã đa số là kiêm nhiệm.



3. Nguyên nhân

Do thành viên của Hội đồng hòa giải xã đa số là kiêm nhiệm, công việc nhiều nên thời gian nghiên cứu chuyên sâu còn hạn chế.

IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Số lượng biến động đất đai tại địa phương có chiều hướng giảm, vì vậy số lượng nguồn đơn tranh chấp đất đai trên địa bàn xã có thể giảm so với những năm trước; tình hình người dân có mục đích cập nhật đường vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tranh chấp về lối đi nên tình hình đơn kiến nghị, phản ánh liên quan đến đường đi có chiều hướng gia tăng.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG KỲ TIẾP THEO

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 06/3/2002 của Ban Bí thư trung Ương về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong giải quyết khiếu nại tố cáo hiện nay và Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải thích và hòa giải kịp thời các phản ánh, kiến nghị, tranh chấp trong nhân dân, không để kéo dài, quá thời gian quy định, đảm bảo số vụ việc được đưa ra hòa giải 95%, phần đấu hòa giải thành đạt trên 85%.

Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo và các văn bản pháp luật khác đến toàn thể cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân trên địa bàn xã.

Báo cáo định kỳ, đột xuất về trên đúng thời gian quy định.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Thường xuyên mở các lớp tập huấn về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo cho cán bộ được phân công giải quyết đơn khiếu nại tố cáo.

Trên đây là báo cáo tổng kết kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Lai Hưng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Bành Quốc Trung



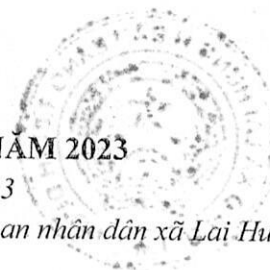
Biểu số: 01/XLD

KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN NĂM 2023

Số liệu tính từ ngày 15/10/2022 đến ngày 05/10/2023

(Kèm theo báo cáo số 105/BC-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Lai Hưng)

| Đơn vị | Tổng số đơn | Kỳ trước chuyển sang | | | Tiếp nhận trong kỳ | | | Số đơn đã xử lý | Đủ điều kiện xử lý | | Phân loại đơn theo nội dung | | | Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết | | | | Kết quả xử lý đơn | | | | | | Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn | | |
|------------------|-------------|-----------------------------|---------------------------|----------|-----------------------------|---------------------------|----------|-----------------|--------------------|------------|-----------------------------|--------|---------------------|--|-----------|-----------------|-----------------|----------------------|-----------|-------------|----------------------------|-------------|-----------|---|-------------|--------------------|
| | | Đơn có nhiều người đứng tên | Đơn có một người đứng tên | Đơn khác | Đơn có nhiều người đứng tên | Đơn có một người đứng tên | Đơn khác | | Số đơn | Số vụ việc | Khiếu nại | Tố cáo | Kiến nghị, phản ánh | Đã giải quyết | | Đang giải quyết | Chưa giải quyết | Đơn thuộc thẩm quyền | | | Đơn không thuộc thẩm quyền | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | Lần đầu | Nhiều lần | | | Tổng số | Khiếu nại | Tố cáo | Kiến nghị, phản ánh | Tổng số | Hướng dẫn | | Chuyển đơn | Đơn đốc giải quyết |
| | | 1=2+3+...+7 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | | 7 | 8 | 9=11+12+13 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18=19+20+21 | 19 | 20 | 21 | | 22=23+24+25 | 23 |
| MS | 1=2+3+...+7 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9=11+12+13 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18=19+20+21 | 19 | 20 | 21 | 22=23+24+25 | 23 | 24 | 25 | 26 |
| UBND xã Lai Hưng | 20 | 0 | 0 | 0 | 0 | 20 | 0 | 20 | 20 | 20 | 0 | 0 | 11 | 20 | 0 | 0 | 0 | 20 | 2 | 1 | 11 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | 20 | 0 | 0 | 0 | 0 | 20 | 0 | 20 | 20 | 20 | 0 | 0 | 11 | 20 | 0 | 0 | 0 | 20 | 2 | 1 | 11 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |



Biểu số: 04/XLD

KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH NĂM 2023

Số liệu tính từ ngày 15/10/2022 đến ngày 05/10/2023

(Kèm theo báo cáo số 105/BC-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Lai Hưng)

| Đơn vị | Tổng số đơn | Đơn kỳ trước chuyển sang | | | Đơn tiếp nhận trong kỳ | | | Đã xử lý trong kỳ | | | Đủ điều kiện xử lý | | Phân loại vụ việc theo nội dung | | | | Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết | | | Kết quả xử lý | | | Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn | |
|------------------|-------------|-----------------------------|------------------------|----------|-----------------------------|------------------------|----------|-------------------|--------------------------|------------------------|--------------------|------------|---------------------------------|---------|---------|------|--|-----------------|----------------------|--------------------------|--------------------------------|------------|---|--------------------|
| | | Đơn có nhiều người đứng tên | Đơn một người đứng tên | Đơn khác | Đơn có nhiều người đứng tên | Đơn một người đứng tên | Đơn khác | Tổng số | Đơn kỳ trước chuyển sang | Đơn tiếp nhận trong kỳ | Số đơn | Số vụ việc | Chê độ chính sách | Đất đai | Tư pháp | Khác | Đã được giải quyết | Đang giải quyết | Chưa được giải quyết | Vụ việc thuộc thẩm quyền | Vụ việc không thuộc thẩm quyền | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tổng số | Chuyển đơn | | Đơn đốc giải quyết |
| MS | 1=2+...+7 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=9+10 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| UBND xã Lai Hưng | 11 | 0 | 0 | 0 | 0 | 11 | 0 | 11 | 0 | 11 | 11 | 0 | 0 | 11 | 0 | 0 | 11 | 0 | 0 | 11 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | 11 | 0 | 0 | 0 | 0 | 11 | 0 | 11 | 0 | 11 | 11 | 0 | 0 | 11 | 0 | 0 | 11 | 0 | 0 | 11 | 0 | 0 | 0 | 0 |



Biểu số: 01/KQGQ

**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI THUỘC THẨM QUYỀN
NĂM 2023**

Số liệu tính từ ngày 15/10/2022 đến ngày 05/10/2023

(Kèm theo báo cáo số 105/BC-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Lai Hưng)

| Đơn vị | Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền | | | Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền | Kết quả giải quyết | | | | | | | | | | | | | | Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc) | | | | | | | |
|------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------|--|--|--|--------------------------|-----------------------|------------------------------|-----------------------|-------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|---|-------------------------|----------|---|----------------|------------------|-------------------------|-------------------------------|-------------------------|----------------|----------------------|
| | Tổng số | Kỳ trước chuyên sang | Tiếp nhận trong kỳ | | Đã giải quyết | | Kiến nghị thu hồi cho NN | | Trả lại cho tổ chức, cá nhân | | | | | | Kiến nghị xử lý hành chính | | Chuyển cơ quan điều tra | | Giải quyết lần đầu | | Giải quyết lần 2 | | Chấp hành thời hạn giải quyết | | | |
| | | | | | Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính | Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục | Tiền (Tr.đ) | Đất (m ²) | Tổ chức | | Cá nhân | | Số tổ chức được trả lại quyền lợi | Số cá nhân được trả lại quyền lợi | Tổng số người bị kiến nghị xử lý | Trong đó số cán bộ công chức, viên chức | Số vụ | Số người | Trong đó số cán bộ công chức, viên chức | Khiếu nại đúng | Khiếu nại sai | Khiếu nại đúng một phần | Công nhận QĐ g/q lần đầu | Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu | Đúng quy trình | Không đúng quy trình |
| | | | | | | | | | Tiền (Tr.đ) | Đất (m ²) | Tiền (Tr.đ) | Đất (m ²) | | | | | | | | | | | | | | |
| MS | 1=2+3 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 |
| UBND xã Lai Hưng | 2 | 0 | 2 | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | 2 | 0 | 2 | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

